



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – RƯỢU – NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI **HABECO**

183 Hoàng Hoa Thám, TP. Hà Nội; Tel: 04.38453843; Fax: 04.37223784; Website: <http://www.habeco.com.vn>

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số: 0101376672

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2017 TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – RƯỢU – NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Điều lệ Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông lần đầu ngày 09/06/2008 cấp thay đổi lần 2 ngày 26/5/2016;
- Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 ngày 19/05/2017.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thông qua Báo cáo của Ban điều hành đánh giá hoạt động SXKD năm 2016 và kế hoạch SXKD năm 2017 (Bản đính kèm) như sau:

1.1 Kết quả kinh doanh năm 2016:

- Tổng sản lượng bia tiêu thụ:	526 triệu lít
- Doanh thu tiêu thụ SP chính:	8.127,6 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế:	997,269 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế:	805,111 tỷ đồng
- Mức chia cổ tức:	18% /năm

1.2. Kế hoạch năm 2017:

- Tổng sản lượng bia tiêu thụ:	542 triệu lít
- Tổng sản lượng nước tiêu thụ	2 triệu lít
- Doanh thu tiêu thụ SP chính:	8.866, 356 tỷ đồng
(không bao gồm thuế TTĐB)	
- Lợi nhuận trước thuế:	1.001,1 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế:	808,6 tỷ đồng
- Mức chia cổ tức:	20% VDL/năm

Điều 2. ĐHĐCĐ thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2016 và kế hoạch 2017. (Bản đính kèm)

Điều 3. ĐHĐCĐ thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2016. (Bản đính kèm)



Điều 4. ĐHCĐ thông qua Báo cáo tài chính riêng năm 2016 và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Việt Nam và phương án phân phối lợi nhuận năm 2016 theo nội dung Tờ trình ngày 11/5/2017 (Bản đính kèm) như sau:

4.1. Báo cáo tài chính 2016

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU TRÊN BCTC RIÊNG (VNĐ)	SỐ LIỆU TRÊN BCTC HỢP NHẤT (VNĐ)
I	Tổng tài sản	6.797.423.566.216	9.780.721.590.800
1	Tài sản ngắn hạn	3.945.863.700.690	5.171.411.347.855
2	Tài sản dài hạn	2.851.559.865.526	4.609.310.242.945
II	Nguồn vốn	6.797.423.566.216	9.780.721.590.800
1	Nợ phải trả	1.628.559.412.844	3.243.020.226.129
2	Vốn chủ sở hữu, trong đó:	5.168.864.153.372	6.537.701.364.671
2.1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	2.318.000.000.000	2.318.000.000.000
2.3	Quỹ đầu tư phát triển	2.052.387.993.690	2.542.284.865.516
2.4	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.250.230.306	5.984.199.088
2.5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	793.225.929.106	794.255.565.481
2.6	Lợi ích cổ đông không kiểm soát		873.631.625.196
2.7	Nguồn kinh phí		1.046.793.750
2.8	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		2.498.315.640
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.675.883.384.827	10.031.542.131.962
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.142.610.821.232	1.185.236.948.945
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	997.269.235.814	1.049.806.738.972
6	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	805.111.206.243	796.697.208.603
-	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ		784.861.575.914

STT	CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU TRÊN BCTC RIÊNG (VNĐ)	SỐ LIỆU TRÊN BCTC HỢP NHẤT (VNĐ)
-	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		11.835.632.689

4.2 Phương án phân phối lợi nhuận 2016

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Số tiền
I	Tổng lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2016	784.861.575.914
II	Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2016	784.861.575.914
1	Trích lập các quỹ năm 2016 tại Công ty TNHH MTV Thương mại HABECO	399.300.000
1.1	Quỹ khen thưởng điều hành	390.000.000
1.2	Quỹ an sinh xã hội	9.300.000
2	Trích lập các quỹ Công ty mẹ	367.222.275.914
2.1	Quỹ đầu tư phát triển	267.967.785.632
2.2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi Công ty mẹ và Công ty MTV	89.535.791.652
2.3	Quỹ khen thưởng Ban quản lý điều hành	1.870.082.871
2.4	Quỹ an sinh xã hội (1% LNST)	7.848.615.759
3	Trả cổ tức năm 2016	417.240.000.000
-	Tỷ lệ chi trả (%)	18%

Điều 5. ĐHĐCĐ thông qua Quyết toán tiền lương, thù lao năm 2016; mức tiền lương, thù lao năm 2017 của thành viên HĐQT và Ban kiểm soát. Theo nội dung Tờ trình ngày 18/5/2017 (Bản đính kèm) như sau:

5.1 Quyết toán tiền lương, thù lao năm 2016:

Stt	Diễn giải	Số tiền (đồng)
	QUỸ LƯƠNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT	
1	KH tiền lương và thù lao theo NQ ĐHĐCĐ năm 2016	2.556.000.000
2	Thực hiện	2.556.000.000
	Tiền lương của thành viên HĐQT, BKS chuyên trách	1.764.000.000
	Thù lao của thành viên HĐQT, BKS kiêm nhiệm	792.000.000
3	Kết luận: chênh lệch thực hiện so với KH thông qua ĐHĐCĐ	0

5.2 Kế hoạch tiền lương, thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2017:

a) Kế hoạch tiền lương, thù lao

- Tiền lương của thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát chuyên trách: 2.820 triệu đồng.
- Thù lao của thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát kiêm nhiệm: 856 triệu đồng.

Tổng cộng : **3.676** triệu đồng,

b) Tiền lương thực hiện: sẽ được quyết toán theo nguyên tắc quy định tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước có xem xét loại trừ yếu tố khách quan ảnh hưởng đến năng suất và lợi nhuận thực hiện năm 2017.

- Chủ tịch HĐQT toàn quyền quyết định việc chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS trên cơ sở tình hình thực tế và ngân sách đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Điều 6. ĐHĐCĐ thông qua các chỉ tiêu kế hoạch năm 2017 theo nội dung Tờ trình ngày 18/5/2017 (Bản đính kèm) như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2017
1. Tổng sản lượng bia tiêu thụ	Triệu lít	542
2. Tổng sản lượng nước tiêu thụ	Triệu lít	2
3. Doanh thu tiêu thụ SP chính	Triệu đồng	8.866.356
4. Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	1.001.145
5. Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	808.625
6. Mức chia cổ tức	%/năm	20

Điều 7. ĐHĐCĐ thông qua phương án phân phối lợi nhuận kế hoạch năm 2017, mức cổ tức dự kiến năm 2017 theo nội dung Tờ trình ngày 18/5/2017 (Bản đính kèm) như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Số tiền
I	Tổng lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2017	808.625.000.000
II	Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2017	808.625.000.000
1	Trích lập các quỹ năm 2017 tại Công ty TNHH MTV Thương mại HABECO	895.000.000
1.1	Quỹ khen thưởng Ban điều hành	395.000.000
1.2	Quỹ an sinh xã hội	500.000.000
2	Trích lập các quỹ Công ty mẹ	344.130.000.000
2.1	Quỹ đầu tư phát triển	220.320.342.388

TT	Chỉ tiêu	Số tiền
2.2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi Công ty mẹ và Công ty MTV	114.392.407.612
2.3	Quỹ khen thưởng Ban quản lý điều hành	1.331.000.000
2.4	Quỹ an sinh xã hội (1% LNST)	8.086.250.000
3	Trả cổ tức năm 2017	463.600.000.000
-	Tỷ lệ chi trả (%)	20%

Điều 8. ĐHĐCĐ thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một công ty kiểm toán uy tín, có trong danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2017 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước để thực hiện kiểm toán và soát xét các Báo cáo tài chính năm 2017 của Tổng Công ty theo nội dung Tờ trình ngày 09/5/2017 (Bản đính kèm)

Điều 9. ĐHĐCĐ thông qua việc:

- Miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT đối với:

+ Ông Tayfun Uner.

+ Bà Nguyễn Thị Nga

- Danh sách đề cử bầu thành thay thế thành viên HĐQT, số lượng bầu thay thế 01 :

+ Ông Soren Ravn.

Điều 10. ĐHĐCĐ thông qua kết quả bầu cử và danh sách trúng cử bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2013 -2017 như sau:

Ông Soren Ravn đạt 23 phiếu bầu, đạt tỷ lệ 99,99% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự họp.

Điều 11: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các Ông/Bà thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông Tổng công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Cổ đông Tổng công ty;
- HĐQT, BKS Tổng công ty;
- Lưu VTh; VP.HĐQT

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



Đỗ Xuân Hạ

